

BỘ NỘI VỤ

Số: *24* /QĐ-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *12* tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban hành Luật quy định về quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (nhiệm kỳ 2009-2014) của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2009.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ TCCP, M.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đình
*** Nguyễn Tiến Đình**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

HỘI KINH TẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 24/QĐ-BNV ngày 12 tháng 01 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam
2. Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Association of Construction Economics.
Tên viết tắt: VACE
3. Biểu tượng:



Biểu tượng này được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những tổ chức, cá nhân (gọi tắt là hội viên) hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng (đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tư vấn, quản lý và nghiệp vụ) trong phạm vi toàn quốc.

2. Mục đích của Hội là tập hợp lực lượng cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, tư vấn, nghiệp vụ về kinh tế đầu tư và xây dựng; bồi dưỡng khuyến khích hội viên trau dồi, nâng cao kiến thức, trình độ nghề nghiệp, trao đổi thông tin và các thành tựu khoa học tiến bộ trong các lĩnh vực nói trên, khai thác tài năng, trí tuệ và năng lực nghiệp vụ chuyên sâu của hội viên để thực hiện chức năng: đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiên cứu, tư vấn, phản biện, giám định xã hội, nghiệp vụ về kinh tế trong đầu tư và xây dựng nhằm góp phần thúc đẩy ngành xây dựng Việt Nam phát triển theo đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước. Hội là hội thành viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam, được quan hệ hoặc gia nhập làm thành viên của các hội quốc tế và khu vực cùng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Hội.

2. Hội hoạt động theo pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ Nội vụ phê duyệt, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Tư cách pháp nhân

1. Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có cơ quan ngôn luận (báo, tạp chí, ấn phẩm), trang thông tin điện tử riêng. Hội chọn biểu tượng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội.

3. Hội có văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trong cả nước theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Động viên, bồi dưỡng, khai thác năng lực sáng tạo của hội viên thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước hướng vào việc nghiên cứu, triển khai, tổng kết kinh nghiệm, áp dụng khoa học kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội của vốn đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

2. Tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mới và nâng cao trình độ nghiên cứu, trình độ thực hành nghiệp vụ tư vấn và năng lực quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật. Khuyến khích và tạo điều kiện giúp đỡ hội viên có nhiều triển vọng phát triển, nhất là hội viên trẻ, nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm, phấn đấu trở thành những chuyên gia giỏi về nghiên cứu khoa học, tư vấn và quản lý kinh tế ngành.

3. Thực hiện chức năng tư vấn (đề xuất giải pháp, làm phản biện, đóng góp ý kiến, đánh giá hiệu quả kinh tế, tính khả thi các dự án, giám sát đánh giá đầu tư) về những chủ trương chính sách, pháp luật kinh tế, chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật trong đầu tư và xây dựng và về các dự án đầu tư - xây dựng của Nhà nước, của các tổ chức và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chức năng hoạt động dịch vụ tư vấn trong: đầu tư xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; kinh doanh bất động sản; vật liệu xây dựng và các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

5. Trong khuôn khổ quy định của luật pháp Việt Nam, Điều lệ của Hội và Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội thiết lập các mối quan hệ đồng nghiệp với các tổ chức nghề nghiệp hoặc chuyên gia nước ngoài để trao đổi học thuật và kinh nghiệm quản lý kinh tế. Tổ chức việc hợp tác nghiên cứu và dịch vụ với nước ngoài và tranh thủ sự giúp đỡ tạo điều kiện, phương tiện cần thiết để phát huy vai trò của Hội trong tiến trình đổi mới quản lý kinh tế đầu tư và xây dựng theo hướng hội nhập với khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Hội là hội thành viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

2. Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các đề tài khoa học, hỗ trợ các dự án, nghiên cứu áp dụng, thực nghiệm khoa học quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, thông qua các hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của hội viên đối với các dự án luật, các chính sách, chủ trương, biện pháp quản lý thuộc lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng để trực tiếp hoặc thông qua Tổng hội Xây dựng Việt Nam đóng góp cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học; báo cáo chuyên đề; thi sáng tạo; tham quan; điều tra khảo sát thực tế; triển lãm phổ biến thành tựu khoa học, kinh nghiệm quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng trong và ngoài nước.

5. Tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn về nghiệp vụ chuyên môn về kinh tế đầu tư và xây dựng do Hội tổ chức theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thông tin, cập nhật tư liệu thuộc lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng dưới các hình thức thích hợp như: biên soạn sách, tài liệu chuyên môn, tạp chí, thông tin của Hội để xuất bản theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức đánh giá thành tích, khen thưởng kịp thời các hoạt động sáng tạo của hội viên hoặc của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: gồm có hội viên tập thể và hội viên cá nhân có điều kiện tham gia thường xuyên mọi hoạt động do Hội đề ra và sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở của Hội.

a) Hội viên tập thể: tổ chức Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng, tán thành và chấp hành Điều lệ Hội, đóng hội phí đầy đủ và tự nguyện gia nhập Hội đều được công nhận và kết nạp vào Hội.

b) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam có trình độ cao đẳng hoặc đại học trở lên đã và đang hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng, tán thành Điều lệ Hội, đóng hội phí đầy đủ và tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể xét kết nạp vào Hội.

2. Hội viên danh dự: những người có nhiều kinh nghiệm tổ chức quản lý, có uy tín cao, kiến thức rộng đã có công lao đóng góp sức lực và trí tuệ cho sự nghiệp kinh tế đầu tư và xây dựng được Ban Chấp hành Hội công nhận danh hiệu hội viên danh dự và mời sinh hoạt Hội, hoặc mời tham gia công tác trong những trường hợp cần thiết.

3. Hội viên liên kết: các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội công nhận là hội viên liên kết.

4. Hội viên danh dự và hội viên liên kết được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức nhưng không có quyền ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành Hội, các chức danh lãnh đạo của Hội và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Thể thức gia nhập Hội và ra khỏi Hội

1. Hội viên của Hội phải là người có đơn xin gia nhập và đã được thường trực Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định kết nạp. Thời gian gia nhập Hội của hội viên tính từ ngày quyết định kết nạp.

2. Hội viên tập thể: tổ chức đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Điều lệ này nếu có nguyện vọng thì phải có hồ sơ xin gia nhập, được xem xét để gia nhập Hội.

Hồ sơ xin gia nhập Hội gồm:

a) Đơn xin gia nhập Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam (theo mẫu);
b) Bản sao Điều lệ hội, các quy định của tổ chức xin gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

c) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức;

d) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định khác của Tổng hội Xây dựng Việt Nam, thành viên của hội khu vực và quốc tế cùng nghề nghiệp.

đ) Đóng hội phí theo quy định.

3. Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam đủ điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Điều lệ này nếu có nguyện vọng thì phải có đơn xin gia nhập, được xem xét để gia nhập Hội.

4. Ban Chấp hành Hội quy định thể thức gia nhập Hội, xem xét, quyết định công nhận hội viên của Hội.

5. Hội viên muốn ra khỏi Hội, phải có đơn gửi cho Ban Chấp hành xem xét, quyết định. Quyết định xoá tên khỏi danh sách hội viên có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

6. Ủy viên Ban Chấp hành xin ra khỏi Hội phải có đơn và phải được đưa ra Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

7. Trước khi ra khỏi Hội, ủy viên Ban Chấp hành và hội viên phải bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành ủy nhiệm.

8. Ủy viên Ban Chấp hành bỏ sinh hoạt hai kỳ họp liên tục mà không có lý do chính đáng sẽ mặc nhiên bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành và vẫn phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của hội viên

1. Quyền của hội viên:

a) Được tham dự các buổi báo cáo chuyên đề, hội thảo, hoặc được ưu đãi khi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các buổi sinh hoạt khác do Hội tổ chức;

b) Được quyền sử dụng các loại thông tin tư liệu do Hội thiết lập và cung cấp theo quy định của pháp luật;

c) Được hỗ trợ về tinh thần và vật chất (trong điều kiện cho phép) trong quá trình hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội;

d) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng trong mọi hoạt động với tư cách hội viên;

đ) Được thông báo thường xuyên về các hoạt động của Hội, thảo luận biểu quyết các nghị quyết và các công việc quan trọng của Hội. Tham gia xây dựng phát triển Hội. Bầu cử, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội.

2. Nghĩa vụ của Hội viên:

a) Tuân thủ Điều lệ của Hội, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối hoạt động và các nghị quyết của Hội. Làm tốt mọi nhiệm vụ được Hội giao;

b) Tuyên truyền phát triển Hội. Trau dồi kiến thức và tư cách đạo đức nghề nghiệp. Trung thực, khách quan trong công việc, hợp tác chân thành với tất cả hội viên trong Hội cũng như các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội. Có nghĩa vụ thu thập, cung cấp thông tin cho Hội theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia đóng góp ý kiến, cung cấp thông tin, viết bài cho tạp chí, tờ báo hoặc tờ thông tin của Hội;

d) Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Tổ chức của Hội gồm có:

a) Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên;

b) Ban Chấp hành;

c) Ban Thường vụ;

d) Ban Kiểm tra;

đ) Văn phòng Hội và các ban chuyên môn;

e) Tổ chức trực thuộc Hội.

2. Ở Trung ương là Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam. Ở các địa phương là Hội Kinh tế xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc thành lập hội ở địa phương thuộc thẩm quyền của Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật.

3. Hội ở các địa phương nếu có nguyện vọng gia nhập Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam thì phải có đơn để được xem xét, kết nạp và hoạt động theo Điều lệ được Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt, đồng thời tuân thủ Điều lệ của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Hội ở trung ương.

4. Tổ chức cơ sở của Hội là các chi hội kinh tế xây dựng do Hội thành lập theo quy định của Điều lệ Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Đại hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên (gọi tắt là Đại hội).

1. Nhiệm kỳ Đại hội là 5 năm. Đại hội phải có đủ 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt mới có giá trị để tiến hành Đại hội. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định. Đại biểu hội viên tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc phải do Hội nghị hội viên ở các chi hội cơ sở của Hội bầu với tỷ lệ do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Đại hội bất thường hoặc giữa nhiệm kỳ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức yêu cầu thì Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định triệu tập. Việc triệu tập Đại hội do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận các báo cáo và kiến nghị của Ban Chấp hành và hội viên; kiểm điểm việc thực hiện hoạt động của Hội giữa 2 nhiệm kỳ và quyết định các chủ trương, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới và các công việc quan trọng khác của Hội;

b) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội;

c) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội theo nguyên tắc bầu trực tiếp và được trên 50% hội viên chính thức có mặt tại Đại hội tín nhiệm;

d) Kiểm tra, quyết định những vấn đề về kinh tế, tài chính của Hội;

đ) Xem xét báo cáo kết quả của Ban Kiểm tra;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Hội nghị thường niên: căn cứ vào tình hình hoạt động cụ thể, Hội tiến hành tổ chức hội nghị thường niên của Hội mỗi năm họp một lần để tổng kết, đánh giá hoạt động trong năm và phương hướng hoạt động năm tiếp theo của Hội.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định theo thực tế từng nhiệm kỳ. Ban Chấp hành Hội mỗi năm họp một lần vào thời gian thích hợp và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành.

2. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Tổ chức việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội và Điều lệ của Hội. Thảo luận và thông qua chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- b) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban thường vụ; và bãi miễn các thành viên Ban Chấp hành. Quyết định khen thưởng, kỷ luật uỷ viên Ban Chấp hành Hội và hội viên;
- c) Bầu bổ sung số uỷ viên Ban Chấp hành Hội bị khuyết nhưng không quá 1/5 (một phần năm) số uỷ viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu;
- d) Quyết định mức hội phí;
- đ) Quyết định triệu tập Đại hội;
- e) Thông qua các quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra, quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với văn phòng Hội, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 14. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Hội. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên. Số lượng thành viên Ban Thường vụ Hội không quá 15 người và do Đại hội bầu.
2. Ban Thường vụ Hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :
 - a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, 6 tháng và báo cáo Ban Chấp hành Hội;
 - b) Chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội, Điều lệ của Hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;
 - c) Quyết định công nhận chi hội và Ban Chấp hành chi hội;
 - d) Quyết định kết nạp hội viên theo Điều lệ Hội;
 - đ) Quyết định khen thưởng, kỷ luật, xoá tên khỏi danh sách hội viên.
3. Ban Thường vụ Hội họp toàn thể 6 tháng một lần vào đầu năm và giữa năm để giải quyết công việc thường kỳ. Trong trường hợp đột xuất, không có điều kiện triệu tập hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ có thể họp bất thường để giúp Chủ tịch Hội giải quyết những vấn đề cần thiết thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành.

Điều 15. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội: do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các uỷ viên thường vụ, có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - a) Là người đại diện pháp nhân và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội trước pháp luật, đại diện cho Hội trong các mối quan hệ với các tổ chức khác;
 - b) Chủ tài khoản của Hội;
 - c) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và các thành viên về các hoạt động của Hội;
 - d) Chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Điều hành và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;
 - đ) Quyết định thành lập Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc; bổ nhiệm các trưởng, phó ban chuyên môn, chánh văn phòng, kế toán trưởng và người đứng đầu các tổ chức trực thuộc phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Phó Chủ tịch Hội:

a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu, được Chủ tịch phân công phụ trách từng lĩnh vực hoạt động và từng bộ phận tổ chức của Hội;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội được Chủ tịch Hội lựa chọn trong số các Phó Chủ tịch theo sự tín nhiệm của tập thể lãnh đạo Hội, được Chủ tịch Hội ủy quyền thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp hoặc giải quyết các công việc của Hội khi Chủ tịch Hội đi vắng.

Điều 16. Tổng Thư ký Hội và Ban Thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động của Văn phòng Hội.

2. Ban Thư ký Hội: gồm có Tổng Thư ký, Phó Tổng thư ký và không quá 5 uỷ viên do Tổng Thư ký đề cử và Chủ tịch Hội bổ nhiệm. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban Thư ký thực hiện các công tác hàng ngày của Hội. Ban Thư ký có một số cán bộ chuyên trách.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu trực tiếp trong số các hội viên chính thức có mặt tại Đại hội tín nhiệm. Ban Kiểm tra gồm có trưởng ban, phó trưởng ban và một số uỷ viên. Ban Kiểm tra có quyền kiểm tra hoạt động có liên quan đến hoạt động của Hội, của toàn thể các hội viên, kể cả các chức danh cao nhất của Hội.

2. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập, làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước Hội. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra là kiểm tra hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và kiểm tra tài chính của Hội, kiểm tra hoạt động của các tổ chức trực thuộc, hoạt động của hội viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, chấp hành nghị quyết và Điều lệ của Hội; kiểm tra việc thực hiện các quy chế, tài chính của Hội. Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu hội viên cung cấp các tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

3. Ban Kiểm tra xem xét, kiến nghị với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ để giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội, hội viên và các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc Hội. Ban Kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và kiến nghị các biện pháp cần thiết báo cáo tại Đại hội xem xét, quyết định.

Điều 18. Ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc

1. Ban Thường vụ Hội căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Hội có thể xem xét và quyết định thành lập các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ để tăng cường năng lực hoạt động của Hội và tạo nguồn tài chính cho hoạt động Hội. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

2. Viện, phân viện, trung tâm nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn kinh tế đầu tư và xây dựng trực thuộc Hội được thành lập khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật để thực hiện một số chức năng nhiệm vụ của Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc Hội.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 19. Nguồn thu của Hội

1. Kinh phí hoạt động của Hội được hình thành từ các nguồn thu:
 - a) Hội phí do các hội viên (tập thể và cá nhân) đóng góp;
 - b) Thu nhập từ các hoạt động dịch vụ có thu hợp pháp của Hội;
 - c) Quà tặng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tặng Hội;
 - d) Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có);
 - đ) Các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
 - e) Các khoản thu hợp pháp khác.

Kinh phí thu được từ các nguồn thu được dành cho các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ.

2. Hội có tài sản riêng, hình thành từ thu nhập của Hội dưới hình thức sở hữu chung và Ban chấp hành Hội là chủ sở hữu đại diện theo pháp luật.

Điều 20. Các khoản chi của Hội

1. Chi phí cho các hoạt động của Văn phòng Hội (chi lương nếu có, văn phòng phẩm và chi phí hành chính).
2. Chi cho Hội nghị Ban Chấp hành và Ban Thường vụ của Hội họp định kỳ.
3. Chi cho các lớp tập huấn, bồi dưỡng; đầu tư cho dịch vụ in ấn phẩm, tuyên truyền tạp chí, nghiên cứu khoa học, mời chuyên gia.
5. Chi cho Đại hội của Hội và thi đua khen thưởng.
6. Chi cho quan hệ trong nước, đón khách quốc tế và đi họp nước ngoài.
7. Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 21. Quản lý sử dụng tài sản, tài chính

Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo quy chế tài chính - kế toán của Hội phù hợp với chế độ chính sách, kế toán của Nhà nước.

1. Tài sản, thiết bị, tài chính của Hội được quản lý thống nhất theo quy định về quản lý tài sản, tài chính của Nhà nước và phải được báo cáo công khai, minh bạch trong các kỳ họp Đại hội và hội nghị Ban Chấp hành nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động phát triển của Hội.

2. Ban Thường vụ, Trưởng ban tài chính của Hội chịu trách nhiệm chính về các khoản thu, chi và quyết toán tài chính. Việc quyết toán thu chi tài chính phải được báo cáo bằng văn bản trong các kỳ họp của Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể quy chế quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hội.

Điều 22. Xử lý tài chính khi giải thể

1. Khi Hội hoặc một tổ chức của Hội giải thể hoặc bị giải thể phải tiến hành kiểm kê tài sản, quỹ và báo cáo Ban Thường vụ Hội trước khi xử lý tài sản và tiền còn lại, tiến hành thủ tục giải thể theo quy định pháp luật về hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về việc xử lý tài sản, tài chính khi giải thể Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên có nhiều thành tích trong hoạt động Hội thì được các cơ quan lãnh đạo của Hội xem xét và khen thưởng theo quy định của Điều lệ Hội, phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm Điều lệ của Hội, pháp luật của Nhà nước hoặc có hành vi làm tổn hại đến danh dự, uy tín, quyền lợi của Hội thì bị thi hành kỷ luật với các hình thức: cảnh cáo, xoá tên khỏi danh sách hội viên hoặc kiến nghị xử lý theo quy định tùy theo mức độ vi phạm. Người bị thi hành kỷ luật nếu không đồng ý với quyết định kỷ luật, thì có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật đó.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức kỷ luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam gồm 7 chương 26 điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV nhiệm kỳ 2009-2014 của Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2009 tại thành phố Hà Nội. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /

